

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 5 năm 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu

2. Ông Nguyễn Gia Khải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký

Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-ST ngày 08/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1962

Nơi cư trú: tổ X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh N, chị L đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn Anh Nguyễn Thành N có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Anh và chị Phạm Thị L có tự do, tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại UBND thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thị trấn Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, hai bên không hợp nhau về cách sống, luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2014 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Quang B, sinh ngày 24/12/2011, hiện con chung đang ở cùng chị L. Ly hôn anh đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh nhận cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị L trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như Anh N trình bày như trên là đúng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian chị đi chấp hành án phạt tù thì Anh N có quan hệ nam nữ. Nay Anh N có đơn xin ly hôn thì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn với Anh N vì con còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011, hiện con chung đang ở cùng chị. Nếu ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu Anh N cấp dưỡng nuôi con chung, còn Anh N cấp dưỡng thì tùy Anh N, chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011 thể hiện:* Cháu Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011 là con đẻ của Anh Nguyễn Thành N và chị Phạm Thị L. Hiện cháu Bách đang học lớp 5A trường Tiểu học và Trung học cơ sở 15/10 thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Nếu Anh N, chị L ly hôn thì cháu Bách có nguyện vọng ở với chị Phạm Thị L.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:* Anh Nguyễn Thành N và chị Phạm Thị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q vào ngày 12/9/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thị trấn Q và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng Anh N, chị L có phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân như thế nào cơ sở tổ dân phố không nắm rõ. Chị L cũng có thời gian đi chấp hành án phạt tù, hiện nay chị L và Anh N đang sống ly thân. Nay Anh N có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng Anh N, chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011, hiện con chung đang ở cùng chị L. Ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở tổ dân phố không nắm rõ.

- *Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án

phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa Anh Nguyễn Thành N và chị Phạm Thị L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Anh N, chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/9/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không hồi hàn, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Anh N đề nghị ly hôn thì chị L không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh N, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N, xử cho anh được ly hôn chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Thành N và chị Phạm Thị L có 01 con chung là Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011. Ly hôn anh, chị đề nghị giao con Bách cho chị L nuôi dưỡng. Anh N nhận cấp dưỡng nuôi con cùng chị L là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Quang B cũng có nguyện vọng ở cùng chị L. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của chị L là chính đáng. Kể từ khi vợ chồng ly thân, chị nuôi dưỡng, chăm sóc con chung phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Quang B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thành N, chị Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Nguyễn Thành N được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quang B sinh ngày 24/12/2011. Anh Nguyễn Thành N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) Anh N đã nộp theo Biên lai thu số 0004554 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành N, chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn Q, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Doanh

